

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Năm báo cáo 2021 (thời điểm 31/12/2021)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5500154649
- Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 100.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 55 - đường Tô Hiệu - TP Sơn La - Tỉnh Sơn La
- Số điện thoại: 1900636761; - Số fax: 02123.854.539
- Website: capnuocsonla.vn; - Email: sowasucom@gmail.com
- Mã cổ phiếu: NSL

Quá trình hình thành và phát triển

Lịch sử hình thành và phát triển: Công ty được thành lập năm 1963, nhà máy có công suất khoảng 1.200 m³/ngày, việc cải tạo hoàn tất vào cuối năm 1988 nhà máy được nâng công suất lên 2.400 m³/ngày

Đến cuối năm 1995, sau khi hoàn thành dây chuyền lắng lọc bổ sung và cải tạo trạm bơm cấp 2, nhà máy nước Bó Cá được nâng công suất lên lên 5.000 m³/ngày.

Đối với tình hình quản lý ngành nước trong tỉnh: Trước năm 1993, UBND các huyện đã thành lập và trực tiếp quản lý các tổ phục vụ cấp nước cho từng thị trấn, với quy mô hoạt động rất nhỏ và công nghệ lạc hậu. Khi triển khai Nghị định 388/HĐBT của Chính phủ, Công ty đã từng bước tiếp nhận các bộ phận cấp nước này, từng bước đầu tư cải tạo nâng cấp, nâng cao dần chất lượng cung cấp dịch vụ và tiến tới ổn định sản xuất kinh doanh. Đến nay, đã trực tiếp quản lý các Chi nhánh cấp nước của 11/12 thị trấn trong tỉnh và đang là một trong số các Công ty cấp nước trong toàn quốc thực hiện được nhiệm vụ khó khăn này.

Năm 1998 có thể coi là một bước ngoặt lớn trong cả chặng đường xây dựng và phát triển của ngành cấp nước đô thị tỉnh Sơn La, được đánh dấu bằng sự ổn định trong sản xuất kinh doanh và khởi đầu cho dự án Hiện đại hoá hệ thống cấp nước thị xã.

Công suất cấp nước: từ 12.000 tăng lên 40.000 m³/ngày, đủ khả năng phục vụ cho nhu cầu sử dụng của các đô thị trong tỉnh.

Địa bàn hoạt động: bao gồm các phường nội thị và tiểu khu ven thị xã cùng với 10 thị trấn, 04 thị tứ khác. Với quy mô từ 8.500 hộ dùng nước (1998) tăng lên trên 51.146 hộ (năm 2018), tương đương 230.000 dân (trong đó 95% dân cư đô thị được cấp nước sạch).

Sản lượng nước thương phẩm: Năm 2020 đạt sản lượng 10,5 triệu m³.

Tỷ lệ thất thoát nước: Trong khoảng 5 năm gần đây công ty đã cải tạo lại hệ thống mạng lưới, tỷ lệ thất thoát nước hiện nay khoảng 10-12%.

Lao động, việc làm và thu nhập: do mở rộng địa bàn phục vụ và năng động trong kinh doanh, đã đảm bảo việc làm thường xuyên và thu nhập ổn định ở mức 9.500.000 đ/người/tháng cho 219 lao động.

Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La là một trong số các doanh nghiệp Nhà nước

hoạt động công ích, nay được từng bước chuyển sang hoạt động kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết TW 3 từ 01/5/2005 công ty chính thức hoạt động với tên mới Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La, có nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch

phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của cán bộ và nhân dân trên địa bàn thị xã và các thị trấn huyện lỵ trong toàn tỉnh. Trong giai đoạn từ 1998 đến nay, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền trong tỉnh, nhờ phát huy được sức mạnh của tập thể người lao động trong đơn vị, hoạt động của Công ty đã có nhiều chuyển biến tích cực, được các cơ quan quản lý cũng như đại đa số khách hàng sử dụng nước ghi nhận.

Khác với nhiều đồng nghiệp ở các địa phương, Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La chỉ thực hiện nhiệm vụ cấp nước cho các đô thị và cụm dân cư tập trung trong tỉnh (gồm cả các thị trấn huyện), nhiệm vụ thoát nước được tỉnh giao cho Công ty Môi trường Đô thị.

Thông tin chủ yếu về hoạt động của doanh nghiệp năm 2021 như sau:

Công suất thiết kế: 50.000 m³/ngày; Công suất khai thác: 33.400 m³/ngày

Số địa bàn quản lý: Thành phố Sơn La + 10 Thị trấn + 4 Thị tứ + 2 xã

Tổng số khách hàng: 57.877 đồng hồ các loại (tương đương 260.000 dân, chiếm 95% dân số đô thị của tỉnh)

Sản lượng nước ghi thu: 10,8 triệu m³; Doanh thu tiền nước: 119 tỷ đồng

Tỷ lệ thất thoát nước: 11.5 %.

Thu nhập bình quân : 10 triệu đồng/người/tháng

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 5500154649 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/04/2005, cấp thay đổi lần 7: ngày 07/01/2021 ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

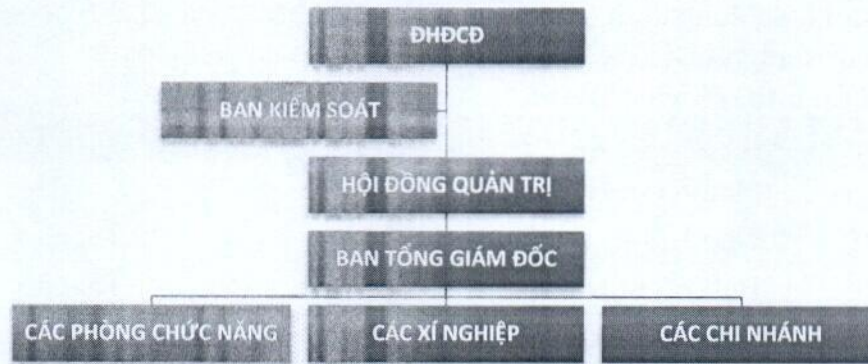
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cấp nước;	3600
2	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công công trình cấp nước đô thị và nông thôn;	4390
3	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Tổ chức các khu vui chơi giải trí dưới nước;	9321
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: thi công xây dựng các công trình dân dụng;	4290
5	Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: tư vấn, thiết kế các công trình cấp nước;	7020
6	Xây dựng nhà các loại;	4100
7	Sản xuất, kinh doanh nước sạch; sản xuất kinh doanh nước tinh khiết đóng chai; kinh doanh vật tư xây lắp chuyên ngành cấp nước; kinh doanh cây cảnh và trang trí ngoại thất công trình.	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

- Địa bàn kinh doanh: Khu vực các đô thị và vùng ven đô thị tỉnh Sơn La

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



Cơ cấu bộ máy quản lý

✦ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ: Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ, thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

✦ Hội đồng quản trị

HĐQT Công ty gồm 07 thành viên do ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT.

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty có hai Đại diện theo Pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

Danh sách thành viên HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT Bổ nhiệm ngày 12/12/2020
2.	Ông Bùi Văn Đính	Phó Chủ tịch HĐQT Bổ nhiệm ngày 12/12/2020
3.	Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 12/12/2020
4.	Ông Lương Thế Công	Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 12/12/2020
5.	Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 12/12/2020
6.	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 12/12/2020
7.	Ông Nguyễn Anh Việt	Thành viên HĐQT Bổ nhiệm ngày 12/12/2020

✦ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát: là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành của công ty, có chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Danh sách thành viên BKS:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Kim Ngọc Nhiệm	Trưởng ban
2.	Ông Bùi Hồng Nam	Thành viên BKS
3.	Bà Lê Thị Nha Trang	Thành viên BKS

✦ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của công ty gồm có Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền.

Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Trần Quyết Chiến	Tổng Giám đốc
2.	Ông Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông Phạm Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc

✦ Các phòng chức năng

Phòng kế hoạch kỹ thuật: Giúp Ban Tổng Giám đốc thực hiện công việc quản lý điều hành kế hoạch và kỹ thuật sản xuất và kinh doanh nước sinh hoạt, nước uống đóng bình, giúp Ban Tổng Giám đốc thực hiện công việc quản lý điều hành các dự án đầu tư xây lắp công trình.

Phòng quản lý chất lượng: Kiểm soát chất lượng nước sinh hoạt và nước tinh khiết tại thành phố, hướng dẫn, kiểm tra chất lượng nước sinh hoạt trên địa bàn các chi nhánh thuộc công ty. Tham mưu giúp việc trong công tác cấp nước an toàn. Chức năng thư ký ISO 9001:2015 & ISO 22000-2007.

Phòng Tài chính kế toán: Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý các hoạt động Tài chính như: quản lý vốn và sử dụng vốn; quản lý tài sản, sử dụng tài sản; quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh; quản lý sử dụng và phân phối lợi nhuận; lập, tổ chức thực hiện kế hoạch Tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán; và thực hiện nghĩa vụ thuế trong toàn Công ty với Nhà nước.

Phòng Quản lý khách hàng: Tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực khách hàng sử dụng nước toàn công ty. Tham mưu giúp Giám đốc trong công tác chỉ đạo chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý và kiểm định đồng hồ đo nước.

Phòng Tổ chức hành chính: Tham mưu giúp Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực tổ chức - nhân sự của Công ty. Tham mưu giúp Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực hành chính của Văn phòng Công ty.

Ban Quản lý dự án đầu tư: Tham mưu cho Tổng giám đốc trong công tác đầu tư, xây dựng đúng quy trình, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, tuân thủ quy chế, chính sách của Công ty trong từng giai đoạn. Thay mặt Công ty tổ chức quản lý điều hành các dự án mà HĐQT, Tổng giám đốc giao nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả.

⚡ Các xí nghiệp

Xí nghiệp cấp nước thành phố số 1: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán, quản lý và tổ chức các dịch vụ bơi lội.

Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.

Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.

⚡ Các chi nhánh cấp nước tại thị trấn huyện

Các chi nhánh tại thị trấn huyện: Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán nội bộ.

⚡ Các công ty con, công ty liên kết, Danh sách những công ty mẹ, công ty con và Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La có 01 công ty liên kết, thông tin về công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết: Công ty Cổ phần VBIC Sơn La

Địa chỉ: 55 Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La

Vốn điều lệ đã góp tại Công ty Cổ phần VBIC Sơn La: 8.000.000.000 đồng, tỷ lệ: 28,57%

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cấp nước;

4. Định hướng phát triển

Mục tiêu chính:

- Phát triển nhanh, bền vững, đáp ứng nhu cầu nước sạch phục vụ tốt nhu cầu dân sinh và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.
- Sản xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo hài hòa lợi ích cho người lao động và quyền lợi của các cổ đông.
- Phấn đấu thực hiện các mục tiêu chương trình quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đó là:
- Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng CP)
- Chương trình quốc gia chống thất thu thất thoát đến năm 2025 (QĐ số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010 của Thủ tướng CP)

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM 2021-2025

Các chỉ tiêu sản xuất

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH NĂM 2021	KH NĂM 2022	KH NĂM 2023	KH NĂM 2024	KH NĂM 2025
1.1	Sản lượng nước thương phẩm	m ³	10.647.000	10.754.000	10.861.000	10.968.000	11.077.000
1.2	Tỷ lệ thất thoát		10,00%	10,00%	10,00%	10,00%	10,00%
1.3	Khách hàng	ĐH	55.850	57.000	58.100	59.300	60.500
1.4	Điện tiêu hao (KWh/m ³ TP)		0,332	0,332	0,332	0,332	0,332
2	Doanh thu	đồng	124.003.000.000	125.192.000.000	126.381.000.000	127.570.000.000	128.782.000.000
2.1	Cấp nước	đồng	118.233.000.000	119.422.000.000	120.611.000.000	121.800.000.000	123.012.000.000
2.2	Lắp đặt nhỏ	"	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
2.3	Dịch vụ bôi trơn	"	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000
	- Sản lượng	Vé	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000
	- Doanh thu	"	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000
2.4	Nước lọc tinh khiết	đồng	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000	1.320.000.000
	Sản lượng nước lọc	binh	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000

Kế hoạch chỉ tiêu SXKD giai đoạn 2021 - 2025 phần đầu đạt như sau:

- Số hộ khách hàng mỗi năm tăng >2%.
- Sản lượng và doanh thu nước thương phẩm bình quân mỗi năm tăng >1,0%
- Kiểm soát thất thoát bền vững duy trì tỷ lệ <10%.
- Tỷ lệ dân nội thị được sử dụng nước sạch đến năm 2022 là 100%.
- Tỷ lệ dân ven nội thị được sử dụng nước sạch đến năm 2025 là 100%.
- Duy trì hoạt động SX nước uống tinh khiết và dịch vụ hồ bơi giữ được thị trường và ổn định doanh thu.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 5 NĂM 2021-2025

Các chỉ tiêu kinh doanh

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	KH NĂM 2021	KH NĂM 2022	KH NĂM 2023	KH NĂM 2024	KH NĂM 2025
2	Doanh thu	đồng	124.003.000.000	125.192.000.000	126.381.000.000	127.570.000.000	128.782.000.000
3	Giá vốn	đồng	89.503.000.000	90.352.000.000	91.191.000.000	92.030.000.000	92.882.000.000
4	Lợi nhuận SXKD chính	đồng	34.500.000.000	34.840.000.000	35.190.000.000	35.540.000.000	35.900.000.000
7	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	17.200.000.000	17.540.000.000	17.890.000.000	18.240.000.000	18.600.000.000
8	Lợi nhuận sau thuế		15.136.000.000	15.435.200.000	15.743.200.000	16.051.200.000	16.368.000.000
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.514	1.544	1.574	1.605	1.637
	Cổ tức	đ	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
	Tỷ lệ cổ tức / vốn điều lệ	%	12,00%	12,00%	12,00%	12,00%	12,00%
	Vốn điều lệ		100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000

Kế hoạch chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2021 - 2025 phần đầu đạt như sau:

- Doanh thu mỗi năm tăng >1% (trên cơ sở tăng sản lượng từ số khách hàng tăng thêm khi đầu tư mở rộng địa bàn)
- Lợi nhuận mỗi năm tăng >2% .
- Trích lập các quỹ > 25% lợi nhuận sau thuế, cần ưu tiên quỹ đầu tư phát triển.

- Phân đầu tỷ lệ cổ tức từ 2021 trở đi là $\geq 12\%$.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Kinh phí khái toán	Ghi chú	Giai đoạn đầu tư
1	Dự án: Hệ thống cấp nước Chiềng Đông (Trạm xử lý 20.000m ³ /ng.đ) Giai đoạn 1 Nhà máy 10.000m ³ /ng.đ và tuyến ống truyền tải; Giai đoạn 2 nâng công suất 20.000m ³ /ng.đ	Đồng	64.500.000.000	Bao gồm nhà máy 10.000m ³ /ng.đ; Tuyến ống truyền tải D450 ra Quốc lộ 6 L=3.500m	2021
2	Dự án: Hệ thống cấp nước Văn Hồ (Công suất GD1: 1.500m ³ /ngày đêm - GD2: 3.000m ³ /ngày đêm)	Đồng	44.300.000.000	Bao gồm cả chi phí mua lại hệ thống cấp nước cũ khoảng 5 tỷ đồng	2021
3	Dự án: Trụ sở văn phòng làm việc CNCN Thuận Châu	Đồng	2.500.000.000	Tiền độ phụ thuộc vào giao đất của UBND	2021
4	Dự án: Trụ sở văn phòng làm việc Công ty	Đồng	15.000.000.000		2021
5	Nâng cấp, cải tạo trạm xử lý nước Bệnh viện Mường La (Chi phí mua đất, chi phí phân xây dựng và chi phí thiết bị xử lý nước...)	Đồng	3.250.000.000	Diện tích đất mua thêm khoảng trên 110m ²	2021
6	Lắp đặt phát triển mở rộng hệ thống cấp nước vùng ven đô thị trên địa bàn thành phố và các huyện (Vốn tổng chiều dài tuyến ống là: L=55.000m).	Đồng	15.000.000.000	Đường kính ống bao gồm từ DN160mm - DN400mm	2021-2025
7	Lắp đặt tuyến ống truyền tải HDPE D450mm từ nhà máy Hồ bản Mông đi QL6 Ngã 3 Quỳết Thặng (L=3.800m)	Đồng	18.050.000.000		2022
8	Nâng cấp, cải tạo trạm xử lý nước huyện Sốp Cộp (Hệ thống lọc áp lực...)	Đồng	1.350.000.000		2022
9	Nâng cấp, cải tạo trạm bơm cấp 1 Yên Châu	Đồng	450.000.000		2023
10	Cải tạo, lắp đặt tuyến ống truyền tải HDPE D225mm Sông Mã (L=1.500m)	Đồng	1.875.000.000		2024
11	Lắp đặt tuyến ống truyền tải HDPE D315mm từ Nhà máy nước Hồ bản Mông đi trường Đàng (L=3.400m)	Đồng	7.990.000.000		2025
12	Lắp đặt tuyến ống truyền tải HDPE D315mm từ nhà máy nước Hồ bản Mông đi đường Nguyễn Văn Linh (L=3.200m)	Đồng	7.520.000.000		2025
13	Nâng cấp, cải tạo trạm bơm Chiềng Ngần (Bể chứa nước sạch bằng BTCT 400m ³)	Đồng	1.000.000.000		2025
Tổng cộng:			182.785.000.000		

- Khẩn trương đầu tư sớm các dự án phát triển nguồn, phát triển mạng mở rộng vùng phục vụ gắn với thực hiện chỉ tiêu cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân nội thị và vùng ven. Cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước nhằm đảm bảo tiếp nhận nguồn nước mới và đáp ứng tốt cho nhu cầu dùng nước của mọi đối tượng cũng là giảm tình trạng khai thác nước ngầm và sử dụng nguồn nước khác.

- Tiếp tục đầu tư ứng dụng công nghệ mới để cải tạo nâng cấp các khu xử lý nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Đầu tư xây dựng mới trụ sở làm việc cho văn phòng Công ty và Chi nhánh Thuận Châu

5. Giải pháp thực hiện:

a. Công tác tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. :

- Không ngừng cải tiến hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động để nâng cao năng suất, tiết kiệm chi phí lao động, vật tư, chi phí quản lý từ đó có thể giảm chi phí và hạ giá thành.

- Phát triển nhân lực đi đôi với kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy. Tổ chức sắp xếp, bố trí lại lao động, sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực.

- Xây dựng và thực hiện chính sách cán bộ lãnh đạo linh hoạt và mềm dẻo, nâng cao chất lượng quản lý, làm tốt công tác quy hoạch cán bộ để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng lâu dài.

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực tại chỗ kết hợp tuyển chọn từ bên ngoài, coi trọng công tác đãi ngộ để thu hút và giữ chân những lao động chất lượng cao.

b. Công tác phát triển khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước:

- Tiếp tục cải tiến hệ thống quản lý, vận hành và tái cấu trúc hợp lý hóa mạng lưới cấp nước. Nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện lưu lượng, áp lực nước, kéo dài thời gian cấp nước liên tục (Phần đầu mục tiêu cấp nước 24h/ngày).

- Tăng cường công tác quản lý khách hàng, kiểm soát, phân loại chi tiết từng đối tượng để tìm ra nguyên nhân giảm sản lượng cũng như đưa ra các giải pháp xử lý phù hợp.

- Ứng dụng công nghệ thông tin và đào tạo trang bị kiến thức và kỹ năng chăm sóc khách hàng cho cán bộ công nhân để cải thiện nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

- Xây dựng được quy trình chăm sóc khách hàng và chính sách ưu đãi khuyến khích các khách hàng lớn. Tích cực tìm kiếm để tiếp cận khai thác các khách hàng tiềm năng.

c. Công tác quản lý chất lượng nước và cấp nước an toàn:

- Xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch cấp nước an toàn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Chủ động sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu, ô nhiễm nguồn nước. Đảm bảo cấp nước an toàn, thực hiện nghiêm túc các giải pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro đã đề ra.

- Đề nghị UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các ngành và địa phương tập trung giải quyết các vấn đề: Quy hoạch cấm mốc hành lang bảo vệ các nguồn nước sinh hoạt để bảo vệ an toàn nguồn cấp nước. Triển khai hoàn thiện khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

d. Các giải pháp để tăng sản lượng nước:

- Tăng cường công tác quản lý khách hàng, kiểm soát, phân loại chi tiết từng đối tượng để tìm ra nguyên nhân giảm sản lượng cũng như đưa ra các giải pháp xử lý phù hợp.

- Phát triển khách hàng, mở rộng địa bàn cấp nước ra các vùng ven đô thị.

- Đề nghị tỉnh sớm giao nhiệm vụ để các cơ quan quản lý và chính quyền địa phương triển khai thực hiện Nghị định 167/2018/NĐ-CP của CP về Quy định Hạn chế khai thác nước dưới đất nhằm hạn chế tiến tới chấm dứt khoan giếng.

- Cân nhắc phương án thỏa thuận giá nước sạch theo cơ chế linh hoạt với các khách hàng lớn mua nước sạch theo nguyên tắc giá nước giảm tương ứng với lượng nước sử dụng tăng.

e. Công tác lao động và tiền lương

- Làm tốt công tác quản lý và sử dụng lao động trong toàn công ty, duy trì từ việc thực hiện các nội quy, quy định của công ty đến việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước quy định như Luật lao động, chế độ tiền lương, thưởng, các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...

- rà soát lại các định mức lao động, đơn giá khoán, áp dụng phù hợp với từng thời điểm và điều kiện sản xuất của từng đơn vị để đảm bảo bình đẳng và khuyến khích được người lao động gắn bó với công ty và nâng cao hiệu quả làm việc.

- Cải tiến quy chế tiền lương động viên khuyến khích được những cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng đảm nhận và giải quyết những công việc quan trọng và đòi hỏi sự phức tạp khi thực hiện.

- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo môi trường làm việc tốt, động viên khuyến khích CBCNV

phát huy năng lực bản thân hoàn thành tốt công việc được giao, đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty.

f. Công tác tài chính:

- Tăng cường sự chỉ đạo, quản lý và hướng dẫn nghiệp vụ để các đơn vị thực hiện đúng pháp luật nhà nước và quy định của Công ty.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ.
- Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc sử dụng các loại chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.
- Cải tiến nâng cao chất lượng của công tác kế toán quản trị nhằm đáp ứng các mục tiêu:
 - Cung cấp các thông tin cần thiết để giúp lãnh đạo công ty điều hành hoạt động SX và có các quyết định kinh doanh hợp lý.
 - Xây dựng được các khoản dự toán ngân sách cho các mục tiêu hoạt động.
 - Huy động và sử dụng các nguồn vốn sao cho hợp lý, không cho phép mất cân đối tài chính.

6. Các rủi ro

a. Rủi ro về kinh tế.

- Giá nước bán cho khách hàng do Nhà nước quy định, có thể không điều chỉnh kịp thời khi có biến động về chi phí đầu vào.
- Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế thì vấn đề nước sạch ngày càng trở nên cần thiết và cấp bách. Chính phủ Việt Nam đã ban hành rất nhiều văn bản, chính sách nhằm phát triển ngành.
- Trong xu hướng hội nhập thì vấn đề về nước sạch ngày càng trở nên thiết yếu và quan trọng đối với mỗi người dân Việt Nam.
- Do vậy có thể nói hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La trong thời gian tới không gặp trở ngại đáng kể từ nền kinh tế.

b. Rủi ro về luật pháp.

- Rủi ro về chính sách vĩ mô của Nhà nước thay đổi dẫn tới định hướng phát triển mở rộng của Công ty có thể gặp một số khó khăn.
- Hệ thống pháp luật kinh doanh nói chung còn thiếu đồng bộ, cơ sở pháp lý cho các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước sạch.

c. Rủi ro đặc thù.

- Rủi do về cạn kiệt nguồn nước: Là tỉnh miền núi, nguồn nước địa bàn khan hiếm về mùa khô, trong một vài thời điểm nguồn nước không đủ cung cấp.
- Rủi do về ô nhiễm nguồn nước: Các nguy cơ ô nhiễm do các cơ sở sơ chế cà phê của thành phố 1; Khai thác tài nguyên gây nhiễm đục nguồn nước, lạm dụng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.
- Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch nên phụ thuộc rất nhiều vào ý thức của người dân.

d. Rủi ro khác.

- Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai lũ lụt, hỏa hoạn, dịch họa,...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chi tiêu			Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	125,310,469,591	121,953,441,306
Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		125,310,469,591	121,953,441,306
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	91,289,498,448	86,593,176,640
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34,020,971,143	35,360,264,666
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2,428,297,062	2,451,836,779
Chi phí tài chính	22	VI.4	259,133,674	349,690,554
Trong đó: chi phí lãi vay	23		215,563,646	349,690,554
Chi phí bán hàng	25			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	17,312,779,139	17,223,402,237
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18,877,355,392	20,239,008,654
Thu nhập khác	31	VI.6	639,273,122	656,903,801
Chi phí khác	32	VI.7	627,770,102	1,417,806,455
Lợi nhuận khác	40		11,503,020	(760,902,654)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18,888,858,412	19,478,106,000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	2,009,229,990	1,413,665,286
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16,879,628,422	18,054,440,714
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1,658	1,775
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1,658	1,775

+Doanh thu so với năm 2020 thì :

Tổng doanh thu đạt 128,378 tỷ, đạt 101,11 % kế hoạch và đạt 102.65% so với năm 2020.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt: 125,310 tỷ, trong đó:

- + Doanh thu cấp nước là 119 tỷ, chiếm 95,2 %
- + Doanh thu lắp đặt nhỏ là 2,8 tỷ, chiếm 2,2 %
- + Doanh thu dịch vụ bơi lội là 0,126 tỷ, chiếm 0,1 %
- + Doanh thu SX nước lọc là 1,424 tỷ, chiếm 1,1 %
- + Doanh thu khác chiếm 1,4 %

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT
2	Bùi Văn Đình	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Văn Bá	Thành viên
4	Lương Thế Công	Thành viên
5	Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên
6	Lê Văn Tuấn	Thành viên
7.	Nguyễn Anh Việt	Thành viên

2.1.1. Ông NGUYỄN VĂN HỒNG

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 08/1/1967
- Nơi sinh: Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 50, ngõ 105, tổ 45, đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- CMND số: 011751556 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 2/11/2006
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý doanh nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Giám đốc Công ty cổ phần MILLS Việt Nam
 - + Tổng giám đốc Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam (VBIC)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 04/1990 – 12/2014	Tổng công ty đầu tư nước và môi trường Việt Nam	Giám đốc trung tâm/Chi nhánh kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp thoát nước
01/2015 - nay	Công ty CP Mills Việt Nam	Giám đốc Công ty
8/2015 – 12/2020	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Thành viên HĐQT
12/2020 – nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Chủ tịch HĐQT
11/2018 - nay	Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	Tổng giám đốc
Hiện nay	Công ty cổ phần SVBIC	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - + Sở hữu cá nhân: không
 - + Sở hữu của người có liên quan: không
 - + Sở hữu đại diện: Công ty CP đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam: 6.566.823 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 65,67% vốn điều lệ Công ty)
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Công ty cổ phần MILLS Việt Nam là đơn vị bán Keo tụ PAC xử lý nước cho Công ty cổ phần cấp nước Sơn La.

2.1.2. Ông BÙI VĂN ĐÌNH

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/3/1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường chiềng lè, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La
- CMND số: 050319911 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 9/6/2008
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1982 – 5/1988	Ủy ban XD/CB tỉnh Sơn La	Nhân viên
6/1988 – 3/1989	Sở xây dựng Sơn La	Nhân viên
4/1989 – 3/1990	Công ty XD I Sơn La	Phó phòng KHKT
4/1990 – 7/1993	Công ty XD I Sơn La	Trưởng phòng KHKT
8/1993 – 4/2005	Công ty cấp nước Sơn La	Phó giám đốc
5/2005 – 6/2012	Công ty CP cấp nước Sơn La	Giám đốc
7/2012 – 11/2015	Công ty CP cấp nước Sơn La	Chủ tịch HĐQT
12/2015 – 12/2020	Công ty CP cấp nước Sơn La	Tổng giám đốc
12/2020 – nay	Công ty CP cấp nước Sơn La	Phó chủ tịch HĐQT
12/2020 - nay	Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - + Sở hữu cá nhân: 17.295 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - + Sở hữu đại diện: không
 - + Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không.

2.1.3. Ông NGUYỄN TRỌNG HIẾU

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/12/1973
- Nơi sinh: Thanh Oai - Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: SN 11, Ngõ 44, Phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- CMND số: 011896161 - Nơi cấp: CATP Hà Nội Ngày cấp: 3/7/2006
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Công ty Cổ phần Hawaco: Tổng Giám đốc
 - + Hội Cấp thoát nước Việt Nam: Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Ban Tài chính
 - + Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng: Chủ tịch HĐQT
 - + Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam: Thành viên HĐQT
- Công ty đầu tư KD nước sạch Việt Nam: Thành viên HĐQT
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1998 – 2001	Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu - Tổng Công ty Đầu tư nước và Môi trường Việt Nam Viwaseen – Bộ Xây dựng	Chuyên viên
2001 – đến nay	Công ty Cổ phần Hawaco	Tổng Giám đốc
2010 – đến nay	Hội Cấp thoát nước Việt Nam	Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Ban Tài chính
12/2017 – đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	Chủ tịch HĐQT
12/2018 – đến nay	Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Công ty cổ phần Hawaco là đơn vị bán Đồng hồ đo nước cho Công ty cổ phần cấp nước Sơn La.
+ Công ty cổ phần Cơ điện Hawaco là đơn vị bán máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nước sạch cho Công ty cổ phần cấp nước Sơn La.

2.1.4. Ông LƯƠNG THẾ CÔNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/8/1964
- Nơi sinh: Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 6, phường Quyết Thắng, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050228311 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 28/6/2007
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy Xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty cổ phần VBIC Sơn La (SVBIC)
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1989-11/1990	Xí nghiệp điện nước Mai Sơn	Tổ trưởng xây lắp;
12/1990-04/1993	Xí nghiệp công nghiệp nước Mai Sơn	Cán bộ kỹ thuật;
05/1993-02/1997	Phòng kế hoạch kỹ thuật; Công ty Cấp nước Sơn La	Cán bộ
03/1997-09/1997	Công ty Cấp nước Sơn La	Đội phó đội xây lắp
10/1997-06/1998	Công ty Cấp nước Sơn La	Đội trưởng đội xây lắp
07/1998-03/1999	Công ty Cấp nước Sơn La	Phó phòng kế hoạch
04/1999-02/2000	Xí nghiệp cấp nước Thị xã Sơn La	Phó giám đốc
03/2000-06/2001	Ban chủ nhiệm dự án hiện đại hóa HTCN Thị xã Sơn La	Thành viên

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2001-11/2003	Phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty Cấp nước Sơn La	Trưởng phòng
12/2003-9/2004	Ban quản lý các dự án cấp nước Công ty Cấp nước Sơn La	Trưởng ban
Từ 01/9/2004-5/2005	Công ty Cấp nước Sơn La.	Phó giám đốc
Từ 5/2005- 04/2020	Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La.	Phó giám đốc
Từ 2015 – 12/2020	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Phó Chủ tịch HĐQT
Từ 12/12/2020 – nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Thành viên HĐQT
04/2020 – nay	Công ty cổ phần SVBIC	Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - + Sở hữu cá nhân: 17.295 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - + Sở hữu đại diện: 999.999 cổ phần (Đại diện phần vốn góp của UBND tỉnh Sơn La tại CTCP Cấp nước Sơn La), tương đương 10% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu của người có liên quan: Lương Phương Thảo sở hữu 54.285 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,5% vốn điều lệ Công ty) (Mối quan hệ: là con ruột)
 - + Lương Tử Vinh sở hữu 22 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,0002% vốn điều lệ Công ty) (Mối quan hệ: là em ruột)
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Công ty cổ phần SVBIC bán nước qua đồng hồ tổng cho Công ty cổ phần cấp nước Sơn La.

2.1.5. Ông NGUYỄN VĂN BÁ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 4/11/1963
- Nơi sinh: Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tiểu khu 4, Thị trấn Mộc Châu, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050367435 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 10/8/2015
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1983 -1986 đi bộ đội	Trường hạ sỹ quan quân đoàn 3	Thiếu úy
1986- 1988	Công ty XD Mộc Châu	Công nhân
1988 -1993	Xí Nghiệp Cơ khí điện, nước MC	Công nhân
1993 -2005	Chi nhánh cấp nước Mộc Châu	Phó chi nhánh
2005 - 2015	Chi nhánh cấp nước MC	Giám đốc chi nhánh

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2015 – đến nay	Công ty CPCN Sơn la	Phó Tổng Giám đốc
12/2020 – nay	Công ty CPCN Sơn la	Thành viên HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - + Sở hữu cá nhân: 17.891 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - + Sở hữu đại diện: 999.999 cổ phần (Đại diện phần vốn góp của nhà nước tại CTCP Cấp nước Sơn La), tương đương 10% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu của người có liên quan:
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Nhận lương, kinh phí hỗ trợ làm việc của Phó Tổng giám đốc.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

2.1.6. Ông NGUYỄN ANH VIỆT

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 23/04/1960
- Nơi sinh: Nam Sơn, Đô Lương, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: BT10 số 262 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
- CMND số: 040060000338 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 17/03/2017
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần nước sạch Hòa Bình
 - + Thành viên HĐQT Công ty cổ phần nước sạch Hưng Yên
- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

2.1.7. Ông LÊ VĂN TUẤN

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 03/10/1972
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 19 Vĩnh Hưng – Hoàng Mai – Hà Nội
- CMND số: 038072000008 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 12/04/2013
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước; Thạc sỹ Quản lý môi trường
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1994 – 1996	Công ty xây dựng và cấp thoát nước Waseenco	Cán bộ
1996 – 2006	Xí nghiệp tư vấn môi trường – Công ty Nước và môi trường Việt Nam	Phó Giám đốc XN
2004 – 2005	Công ty TNHH cấp nước Yên Lập (Cty VIWASE và Cty thi công cấp nước Quảng Ninh góp vốn đầu tư)	Hội đồng thành viên
2006 – 2008	Công ty cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	Giám đốc
2008 – 2010	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển An Việt	Giám đốc
2009 – nay	Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

2.2. Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Quyết Chiến	Tổng giám đốc
2	Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng giám đốc
3	Phạm Ngọc Dũng	Phó Tổng giám đốc

Ông Nguyễn Văn Bá, Phó Tổng giám đốc, là thành viên Hội đồng quản trị, đã liệt kê tại mục Hội đồng quản trị.

2.2.1. Ông TRẦN QUYẾT CHIẾN

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/8/1973
- Nơi sinh: Ứng Hòa, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: : Tổ 6, P Chiềng Lề, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050311705 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 17/6/2015
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
19/12/1990- 12/1994	Công ty SX và kinh doanh vật liệu XD số 1 Sơn La	Nhân viên
12/1994-8/1996	Công ty xí măng Sơn La	Kế toán viên
8/1996-1/19997	Công ty SX và kinh doanh vật liệu XD số 1 Sơn La	Kế toán viên
1/1997- nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	- Nhân viên kế toán - Phó phòng kế toán

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		- Trưởng ban kiểm soát - Phó Tổng giám đốc Kiêm Kế toán trưởng. - Tổng giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 12/12/2020)

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
 - + Sở hữu cá nhân: 18.181 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,18% vốn điều lệ Công ty)
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Sở hữu của người có liên quan: Cao Thị Oanh sở hữu 3.220 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,03% vốn điều lệ Công ty) (Mối quan hệ: là vợ)
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận lương, kinh phí hỗ trợ làm việc của Tổng giám đốc.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

2.2.2. Ông PHẠM NGỌC DŨNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 11/9/1981
- Nơi sinh : Thành phố Sơn La- tỉnh Sơn La
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường Chiềng Lè - Thành phố Sơn La – Tỉnh Sơn La
- Chứng minh thư nhân dân số: 050391652 Nơi cấp: Công an Sơn La; Ngày cấp: 07/11/2016
- Điện thoại liên hệ: Cơ quan: 02123854837 (814) Di động: 0912548181
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 8/2005 - 9/2010	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Sơn La	Nhân viên
Từ 10/2010- 02/2012	Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng-Sở Xây dựng Sơn La	Nhân viên
Từ 3/2012- 02/2014	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Phó phòng KHKT
3/2014 – 5/2015	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Trưởng phòng chống thất thoát
6/2015-01/2016	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Trưởng phòng KHKT
02/2016-6/2017	Công ty cổ phần SVBIC Sơn La	Giám đốc ban QL dự án hệ thống cấp nước hồ bản Mòng
7/2017-7/2018	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Giám đốc Xí nghiệp cấp nước TP số 1
8/2018 đến nay	Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La	Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
 - + Sở hữu cá nhân: 7.327 cổ phần, tương đương 0,07% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
 - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
 - + Sở hữu của người có liên quan: Không.
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Nhận lương, kinh phí hỗ trợ làm việc của Phó Tổng giám đốc.
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

2.3. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Kim Ngọc Nhiệm	Trưởng ban
2	Bùi Hồng Nam	Thành viên
3	Lê Thị Nha Trang	Thành viên

2.3.1. Ông Kim Ngọc Nhiệm

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/09/1960
- Nơi sinh: Mỹ Đức, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 2, phường Tô Hiệu, TP Sơn La
- CMND số: 050217496, Nơi cấp: CA Sơn La, Ngày cấp: 19/03/2010
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1979 -1987	C.ty cung ứng vật liệu XD Sơn La	Nhân viên kế toán
Từ năm 1988 -1994	Sở Xây dựng Sơn La	Nhân viên VP
Từ năm 1995 - 1996	C.ty xây CP xây dựng số 1 Sơn La	Nhân viên kế toán
Từ năm 1996 - 1997	C.ty CP xây dựng số 1 Sơn La	Kế toán trưởng
Từ năm 1998 đến nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Trưởng BKS

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ).
 - + Sở hữu cá nhân: : 17.295 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
 - + Sở hữu đại diện: Không
 - + Sở hữu chứng khoán của người có liên quan trong Công ty đại chúng: Nguyễn Thị Phương Loan sở hữu 15.685 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,1% vốn điều lệ Công ty) (Mối quan hệ: là vợ)
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

2.3.2. Bà LÊ THỊ NHA TRANG

- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 20/12/1981

- Nơi sinh: Nghĩa Đàn, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P714 CT36 , Số 326 Lê Trọng Tấn , Phường Khương Mai, Q. Thanh Xuân, HÀ NỘI
- CMND số: 040181000942 tại Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

2.3.3. Ông BUI HỒNG NAM

- Giới tính: : Nam
- Ngày sinh: 09/10/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 3, P Tô Hiệu , TP Sơn La , Tỉnh Sơn La
- CMND số: 050345933 Nơi cấp: Công an Sơn La Ngày cấp: 26/10/2015
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng TCDN Sở tài chính Sơn La
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1995 – 10/2001	Công ty Du lịch khách sạn Sơn La	Nhân viên
11/2001- 4/2008	Phòng kế hoạch Công ty sách thiết bị trường học tỉnh Sơn La	Nhân viên
5/2008- 01/2013	Phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Chuyên viên
01/2013- 02/2015	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Phó Phòng Tài chính doanh nghiệp
01/2015-02/2016	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Phụ Trách Phòng Tài chính doanh nghiệp
01/2015-nay	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Bì Thư Chi bộ III- thuộc Đảng ủy Sở Tài chính
04/2015 - nay	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Đảng ủy viên – Đảng ủy Sở Tài chính
01/206 - nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Thành viên BKS
02/2016 –nay	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

2.4. Kế toán trưởng: Ông BÙI THANH TÙNG

- Giới tính: : Nam
- Ngày sinh: 01/02/1993
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 353 Chu Văn Thịnh, Phường Chiềng Lê, Thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050754336 Nơi cấp: Công an Sơn La Ngày cấp: 09/06/2008
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Kế toán trưởng
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2017– nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	- Nhân viên XNCN thành phố số 2 - Nhân viên Phòng Tài chính kế toán - Phó trưởng phòng TCKT - Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 12/12/2020)

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng:
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Nhận lương Kế toán trưởng.

2.5. Những thay đổi trong năm 2021: Không có

2.6. Thống kê nhân sự

STT	Cơ cấu lao động	Số lượng lao động đến ngày 31/12/2021
1	Trình độ đại học và trên đại học	51
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	62
3	Công nhân kỹ thuật	88
4	Lao động phổ thông	18
	TỔNG	219

➤ Chính sách đối với người lao động

- Về tiền lương.

Thực hiện trả lương, trả thưởng theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc và theo khoán sản phẩm. Mức lương trung bình của Công ty năm 2021 là 10 triệu đồng/người/tháng.

- Về công tác đào tạo:

Chú trọng đào tạo, đào tạo lại cán bộ quản lý, nghiệp vụ, phương châm đào tạo tại chỗ, khuyến khích người lao động tự trau dồi kiến thức để phù hợp với nhu cầu tại

Công ty Cổ phần sau cổ phần hóa nhằm sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ công nhân viên sẵn có cũng như theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội

- Về chính sách khen thưởng:

Công tác đời sống đối với CBCNV: Thực hiện đóng BHXH, BHTN, mua BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ, chính sách Nhà nước. Thực hiện vệ sinh, an toàn lao động, trang bị BHLĐ cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ khác với người lao động theo quy định của Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Tình hình đầu tư

ĐẦU TƯ VÀ SỬ DỤNG VỐN TÁI ĐẦU TƯ

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2020	Thực hiện 2021	Tăng/Giảm
3.1.	Trả nợ vay các dự án	đồng	8.093.531.529	8.150.470.288	100,7%
	Dự án cấp nước Yên Châu	"	397.844.382	397.944.382	100,0%
	Dự án cấp nước Mộc Châu	"	456.802.747	456.802.747	100,0%
	Dự án cấp nước Sốp Cộp	"	1.218.884.400	1.218.884.400	100,0%
	Trả nợ gốc Dự án ODA Pháp ở TP		6.020.000.000	6.076.838.759	100,9%
3.2.	Đầu tư TSCĐ	đồng	16.150.933.987	18.668.587.450	115,6%
	Đầu tư Nhà cửa vật kiến trúc	"	2.010.006.436	3.015.408.887	150,0%
	Đầu tư Máy móc thiết bị	"	6.969.232.400	9.186.339.479	131,8%
	Đầu tư Phương tiện vận tải truyền dẫn	"	7.065.749.697	6.419.962.384	90,9%
	Đầu tư Thiết bị, dụng cụ quản lý	"	105.945.454	46.876.700	44,2%

Sử dụng vốn: Năm 2021 nguồn vốn tái đầu tư được sử dụng vào các nội dung sau: Trả nợ vay các dự án 8,15 tỷ (ODA Thành phố, Mộc châu, Yên châu và Sốp Cộp); Đầu tư mua sắm tài sản mới 18,67 tỷ đồng. Trong đó:

Đầu tư mua máy móc thiết bị gần 9,19 tỷ đồng, Đầu tư cho Phương tiện vận tải truyền dẫn 6,4 tỷ đồng. Đầu tư cho nhà cửa vật kiến trúc 2 tỷ đồng.

Năm 2021 hoạt động đầu tư các dự án lớn mới đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, các hạng mục hoàn thành hầu hết có qui mô nhỏ nhằm thay thế máy móc đã cũ, kéo dài mạng lưới để mở rộng địa bàn phục vụ và tăng lượng khách hàng.

Tình hình triển khai các dự án lớn:

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 HĐQT đã chỉ đạo Ban quản lý dự án triển khai công tác chuẩn bị đầu tư. Đến nay tiến độ thực hiện các dự án đầu tư như sau:

➤ Dự án Tuyến ống truyền tải tuyến ống truyền tải D400mm và D225mm:

Tuyến ống bắt đầu từ nhà máy nước Bản Mòng đến ngã tư xe khách. Có chức năng hòa mạng nguồn nước nhà máy Bản mòng vào mạng chung của thành phố và cải thiện việc truyền tải tới những khu vực cao xa phía đông nam của Thành phố và xã Chiềng Ngần.

Dự án đã thực hiện xong các bước khảo sát, thiết kế, hồ sơ dự toán chi tiết đã được thẩm định. Công ty đã hợp đồng với đơn vị tư vấn thực hiện Hồ sơ mời thầu, đấu thầu qua mạng thành công, đang thực hiện công tác chấm thầu. Song song với việc chấm thầu Công ty tích cực làm thủ tục với chính quyền địa phương về công tác giải phóng mặt bằng, xin giấy phép thi công cho dự án này. Dự kiến sẽ khởi công trong quý 2/2022.

➤ Dự án nhà máy nước Chiềng Dong 14.000 m3/ngàyđêm:

Đến nay, UBND tỉnh đã có Quyết định số 2488/QĐ - UBND ngày 10/10/2021 chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư Dự án nhà máy nước Chiềng Dong với Công suất là 14.000 m³/ngày đêm và tuyến ống truyền tải kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn.

Hiện nay Công ty đang thực hiện các bước tiếp theo đền bù giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Đang xúc tiến thủ tục hợp đồng khảo sát, thiết kế, lập dự toán cho nhà máy nước Chiềng Dong công suất 14.000m³ /ngđ và tuyến ống nước sạch giai đoạn I của dự án.

✦ Dự án cấp nước Trung tâm khu hành chính huyện Vân Hồ:

Ban quản lý dự án Công ty đang làm thủ tục với huyện và tỉnh để xin chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư. Tuy nhiên hiện nay có một đơn vị khác là Công ty thuộc tập đoàn Tuần Châu Hạ Long cũng đang xin chủ trương đầu tư vào huyện Vân Hồ về du lịch sinh thái trong đó bao gồm cả nước Sinh hoạt cho thị trấn này và UBNDT vẫn đang cân nhắc việc lựa chọn nhà đầu tư nào.

b) Các công ty con, công ty liên kết

- Tên công ty: Công ty cổ phần VBIC Sơn La
- Trụ sở chính: Số 55 đường Tô Hiệu – Thành phố Sơn La – Tỉnh Sơn La
- Mã số DN: 5500522701
- Cơ cấu nhân sự:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT
2	Lương Thế Công	Thành viên HĐQT
3	Bùi Văn Đính	Thành viên HĐQT
4	Lương Thế Công	Tổng Giám đốc

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Tổng giá trị tài sản	143.845.363.143	141.923.220.246
Doanh thu thuần	121.953.441.306	125.310.469.591
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.239.008.654	18.877.355.392
Lợi nhuận khác	(760.902.654)	11.503.020
Lợi nhuận trước thuế	19.478.106.000	18.888.858.412
Lợi nhuận sau thuế	18.054.440.714	16.879.628.422

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3	2.2
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2.3	1.8
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	24	23
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	31	29
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	7.4	9.4
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0.84	0.88
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần.	%	14.8	13.4
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	16.5	15.3
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	16.5	15

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

STT	Cổ phần	Số lượng cổ phần
1	Cổ phần đang lưu hành	9.999.859
2	Cổ phần chuyển nhượng tự do	9.999.859
3	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	141
4	Tổng số cổ phần	10.000.000

b. Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	8.566.821	85.67
2	Cổ đông nhỏ	1.433.179	14.33
3	Cổ đông trong nước	9.925.000	99.25
4	Cổ đông nhà nước	1.999.998	20
5	Cổ đông tổ chức khác	6.566.823	65.67
6	Cổ đông cá nhân	1.433.179	14.33

Tên cổ đông lớn	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La		Đồi Khau Cả, thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La	1.999.998	20
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	0106517006 đăng ký lần đầu ngày 22/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	Số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.	6.566.823	65.67

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp là: 43.300.000.000 đồng

Công ty đã tăng vốn 6 lần, cụ thể:

Lần 1: Tăng vốn điều lệ lên 54.871.714.873 đồng:

Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 09/11/2006 của UBND tỉnh Sơn La.

Lần 2: Tăng vốn điều lệ lên 56.238.907.757 đồng:

Quyết định số 1747/QĐ-UBND ngày 17/7/2008 của UBND tỉnh Sơn La.

Lần 3: Tăng vốn điều lệ lên 58.096.300.000 đồng

Quyết định số 1611/QĐ-UBND ngày 01/8/2012 của UBND tỉnh Sơn La.

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500154649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/4/2005, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 10/8/2012

Lần 4: Tăng vốn điều lệ lên 60.596.300.000 đồng;

Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 27/9/2013 của UBND tỉnh Sơn La.

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2015/NQ-ĐHCD ngày 06/02/2015;

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500154649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/4/2005, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 25/4/2015

Lần 5: Tăng vốn điều lệ lên 62.096.300.000 đồng;

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHCD ngày 25/3/2017; Tờ trình số 64/2017/TTr-HDQT ngày 07/3/2017 của Hội đồng quản trị về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (ESOP);

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 184/2017/NQ-HDQT ngày 05/7/2017 về việc thông qua phương án triển khai thực hiện, quy chế và danh sách phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2017;

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty số 200/2017/BC ngày 25/7/2017 của CTCP Cấp nước Sơn La (đính kèm Danh sách CBCNV đã đóng ti(đính kèm heo chương trình lựa);

Văn bản số 5185/UBCK-QLCB ngày 26/7/2017 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động;

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500154649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/4/2005, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 09/8/2017.

Lần 6: Tăng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng

Biên bản họp và Nghị quyết ĐHCD bất thường lần 1 năm 2020 số 02/BB-ĐHCD và số 02/NQ-ĐHCD ngày 21/09/2020; Tờ trình số 421/TTr-HDQT ngày 01/09/2020 của Hội đồng quản trị về phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Nghị quyết HDQT số 64/NQ-HDQT ngày 21/09/2020 về việc triển khai và thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu số 503/2020/NSL ngày 01/12/2020.

Văn bản số 7209/UBCK-QLCB ngày 08/12/2020 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu;

Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5500154649 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/4/2005, cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 07/01/2021.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác:

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a. Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Điện năng tiêu thụ năm 2021: 3.777.476 Kw

b. Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước:

TT	TÊN NGUỒN	ĐỊA CHỈ
1.	Trạm Nà Coóng	Phường Chiềng Cơi
2.	Trạm Bó Cá	Phường Chiềng An
3.	Trạm km4	Phường Chiềng Cơi
4.	Trạm Km7	Phường Chiềng Sinh
5.	Trạm Km 8	Phường Chiềng Sinh
6.	Trạm Viện 6	Phường Chiềng Sinh
7.	Trạm Su Phạm	Phường Chiềng Sinh
8.	Trạm Chiềng Sinh	Phường Chiềng Sinh
9.	Trạm Km 10	Phường Chiềng Sinh
10.	Trạm Km 12	Phường Chiềng Sinh
11.	Trạm Km 13	Xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn
12.	Trạm Chính Mai Sơn	Thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn
13.	Trạm Nà Sắn	Xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn
14.	Trạm 19/5	TK 19/5 xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn
15.	Trạm Bình Minh	TK Bình Minh xã Cò Nòi, Mai Sơn
16.	Trạm Cò Nòi	TK 1 xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn
17.	Trạm Suối Sấp	Xã Sấp Vạt, huyện Yên Châu
18.	Trạm Bật Đông	Xã Sấp Vạt, huyện Yên Châu
19.	Trạm Bưu Điện	Thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu
20.	Trạm UB	TK2 thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu
21.	Trạm Phiêng Ban	Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên
22.	Điểm thu nước Suối Bẹ	Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên
23.	Trạm CN NVH Tiểu khu 4	TK4 thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên
24.	Trạm Suối Ngọt	Xã Huy Bắc, huyện Phù Yên
25.	Trạm Nà Xá	Xã Quang Huy, huyện Phù Yên
26.	Trạm Sông Mã	Thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã
27.	Trạm Sốp Cộp	Xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp
28.	Trạm Quỳnh Nhai	Xã Mường Giàng, huyện Quỳnh Nhai
29.	Trạm Bệnh Viện	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La
30.	Trạm Sân Bay	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La

31.	Trạm Nà Lốc	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La
32.	Trạm Chiềng Ly	Xã Chiềng Ly, huyện Thuận Châu
33.	Trạm Chiềng Pắc	Xã Chiềng Pắc, huyện Thuận Châu
34.	Trạm Nậm La	Bản Kham, Xã Hua La, TP Sơn La
Tổng		

Sản lượng nước phát ra năm 2021: 12.230.045 m³

Sản lượng nước thương phẩm 2021: 10.828.420m³

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021 là một năm mà điều kiện sản xuất của Công ty gặp một số khó khăn và thuận lợi sau:

- Trong bối cảnh đại dịch Covid -19 vẫn đang hoành hành khắp nơi trên thế giới cũng như trong nước, các ngành kinh tế đều chịu ảnh hưởng và ngành cấp nước cũng không phải ngoại lệ.
- Nhu cầu dùng nước của một số khách hàng lớn là các trường chuyên nghiệp đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh giảm nhiều do lượng sinh viên rất ít.
- Nhu cầu dùng nước trong hoạt động xây dựng cũng giảm nhiều so với trước đây. Do hầu hết các công trình xây dựng đã chuyển sang dùng bê tông trộn sẵn.
- Khách hàng dùng 2 nguồn nước đã ảnh hưởng nhiều đến sản lượng cấp nước. Sang năm 2021 lượng khách hàng khoan giếng đã giảm. Tuy nhiên lượng khách hàng này đang càng xu hướng dùng ngày càng ít đi.
- Cũng có cả nguyên nhân chủ quan trong công tác quản lý. Việc thực hiện thuyết phục khách hàng không phát sinh sản lượng, khách hàng dùng 2 nguồn nước quay lại sử dụng sản phẩm của các đơn vị trực thuộc chưa được triển khai quyết liệt, đồng bộ.

Mặc dù cũng còn nhiều khó khăn nhưng bằng sự nỗ lực chung của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty, năm 2021 là năm sản lượng đạt mức cao kỷ lục từ trước đến nay. Một số đơn vị tuy chưa đạt sản lượng kế hoạch nhưng tập thể cán bộ công nhân viên luôn phấn đấu, đề cao ý thức công việc, hướng đến năm 2022 quyết tâm đạt sản lượng kế hoạch được giao. Một số giải pháp được đưa ra và áp dụng thực tế nhằm nâng cao sản lượng, cụ thể như sau:

- Tình hình thời tiết khô hạn, nhu cầu sử dụng nước của các hộ gia đình tăng là nguyên nhân chính làm tăng sản lượng.
- Chế độ vận hành cấp nước ở các đơn vị đã linh hoạt theo nhu cầu sử dụng của khách hàng.
- Tích cực đầu tư mới và cải tạo mạng lưới cấp nước, mở rộng địa bàn phục vụ ra vùng ven đô thị, cải thiện chất lượng phục vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị của tỉnh.
- Có nhiều cải tiến và ứng dụng công nghệ mới, nâng cao chất lượng nước, tiến đến cấp nước an toàn. Đổi mới công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ ngày một tốt hơn.
- Công tác quản trị đã có những cải tiến để phù hợp với yêu cầu đổi mới của doanh nghiệp.

Đánh giá chung năm 2021, sản xuất vẫn tiếp tục phát triển theo hướng bền vững, tình hình tài chính ổn định lành mạnh. Nguồn vốn của Công ty được bảo toàn và phát triển. Công ty đã hoàn thành tốt nghĩa vụ với nhà nước, trả nợ các khoản vay đầy đủ; cải

thiện đời sống vật chất và tinh thần, đảm bảo tiền lương thu nhập và các chế độ chính sách cho người lao động.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% Tăng/giảm 2021/2020	Ghi chú
1	Tổng tài sản	143.845.363.143	141.923.220.246	(1.33)	
	<i>Trong đó</i>				
+	Tài sản ngắn hạn	49.047.860.964	50.295.474.900	2.54	
+	Tài sản dài hạn	94.797.502.179	91.627.745.346	(3.34)	
2	Tổng nguồn vốn	143.845.363.143	141.923.220.246	(1.33)	
	<i>Trong đó</i>				
+	Nợ phải trả	34.496.535.242	32.294.534.093	(6.38)	
+	Vốn chủ sở hữu	109.348.827.901	109.628.686.153	0.25	

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		Tăng/ Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	16.176.874.176	46.9	22.119.699.514	68.49	36.7
Nợ dài hạn	18.319.661.066	53.1	10.174.834.579	31.51	(44.45)
Tổng nợ phải trả	34.496.535.242	100	32.294.534.093	100	(6.38)

3. Kế hoạch sản xuất năm 2021

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2022

TT	Diễn giải	ĐVT	Năm 2021	Kế hoạch	SS 2022/2021 (%)
			Thực hiện	năm 2022	
I	Sản lượng				
1	Nước thương phẩm	m3	10.828.420	11.096.000	102,5%
2	Số lượng khách hàng	hộ	57.877	59.405	102,6%
3	Số khách hàng phát triển mới (LĐN)			1.528	
4	Khách hàng DV bơi lội	vé	7.365	29.000	
5	Nước lọc tinh khiết	binh	107.400	110.000	102,4%
II	Tỷ lệ thất thoát nước	%	11,46	11,00	96,0%
III	Kết quả hoạt động kinh doanh	đồng	128.378.039.775	129.150.000.000	100,6%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	đồng	125.310.469.591	126.950.000.000	101,3%
-	Cấp nước	"	119.682.421.414	122.600.000.000	102,4%
-	Lắp đặt nhỏ	"	2.821.495.004	1.800.000.000	63,8%
-	Dịch vụ bơi lội	"	126.236.364	500.000.000	396,1%
-	Nước lọc SOWA	"	1.424.913.654	1.550.000.000	108,8%
-	Xây dựng cơ bản	"	500.015.545		0,0%
-	Kinh doanh vật tư	"	755.387.610	500.000.000	66,2%
2	Giá vốn hàng bán	đồng	91.289.498.448	90.902.112.000	99,6%
	Cấp nước		85.939.399.037	86.942.112.000	
	Lắp đặt nhỏ		2.747.941.044	1.710.000.000	
	Dịch vụ bơi lội		91.702.000	350.000.000	
	Nước lọc SOWA		1.339.350.651	1.400.000.000	
	Xây dựng cơ bản		470.263.562	-	
	Kinh doanh vật tư		700.842.154	500.000.000	
3	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	đồng	34.020.971.143	36.047.888.000	106,0%
4	Doanh thu hoạt động Tài chính	đồng	2.428.297.062	1.700.000.000	70,0%
5	Chi phí Tài chính	đồng	259.133.674	1.500.000.000	578,9%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	đồng	17.312.779.139	18.000.000.000	104,0%
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đồng	18.877.355.392	18.247.888.000	96,7%
12	Lợi nhuận khác	đồng	11.503.020	100.000.000	869,3%
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đồng	18.888.858.412	18.347.888.000	97,1%
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	16.879.628.422	16.147.888.000	95,7%
15,1	Lãi, lỗ năm trước chuyển sang	"	2.586.197.753	4.666.030.625	180,4%
15,2	Lợi nhuận dùng để phân phối	"	19.465.826.175	20.813.918.625	106,9%
IV	Phân chia lợi nhuận	đồng	19.465.826.175	20.813.918.625	106,9%
3	Trích quỹ khen thưởng, PL	"	300.000.000	300.000.000	100,0%
5	Tra cổ tức	"	14.499.795.550	12.500.000.000	86,2%
6	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ (2022 <=12,5%)	%	14,50	12,50	86,2%
7	Lợi nhuận chuyển năm sau	"	4.666.030.625	8.013.918.625	171,8%
V	Vốn điều lệ	đồng	100.000.000.000	100.000.000.000	100,0%

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

- Về môi trường.

Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề quan trọng và ưu tiên bậc nhất đối với bất cứ quốc gia nào trên thế giới. Mỗi quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường cũng được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, thể hiện qua những chương trình, chính sách hướng tới phát triển nền kinh tế xanh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Chung tay góp phần bảo vệ môi trường xanh và phát triển Cộng đồng là một trong những nội dung ưu tiên trong sự phát triển lâu dài của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La. Công ty tin rằng sự phát triển kinh tế phải đi liền với bảo vệ môi trường và Cộng đồng xã hội, có như vậy nền kinh tế mới có thể phát triển bền vững và lâu dài. Những năm qua, Lãnh đạo Công ty cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La luôn xem công tác an toàn sức khỏe và bảo vệ môi trường là công việc cấp thiết, cần được ưu tiên hàng đầu bằng việc thực hiện các công

tác như:

Trong công tác xây lắp, sửa chữa những năm qua Công ty đã thực hiện các chính sách về sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu cho mỗi công trình thông qua việc tăng cường kiểm tra chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào tránh sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào với phẩm cấp thấp. Bên cạnh đó, công tác thanh tra, kiểm tra giám sát về định mức sử dụng vật liệu cho mỗi công trình được tăng cường nhằm đảm bảo các công trình sử dụng đầu vào theo định mức kế hoạch đã đề ra từ ban đầu. Công tác giáo dục cho người lao động cũng được đẩy mạnh nhằm nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường cho anh em công nhân.

Công ty còn thực hiện nhiều biện pháp khác để bảo vệ môi trường như: quản lý và xử lý nước thải, bùn thải, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên như điện, nước ... Ngoài ra, Công ty còn phát động các phong trào như Xanh – Sạch – Đẹp đối với các đơn vị, xí nghiệp trực thuộc tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững thân thiện với môi trường, tạo môi trường làm việc lành mạnh, hiệu quả.

- Về xã hội

+ Trách nhiệm với người lao động.

Năm 2021, công tác chăm lo cho đời sống người lao động luôn được Công ty tập trung chú trọng. Không chỉ thực hiện đầy đủ các thỏa ước trong hợp đồng lao động, Công ty còn nỗ lực tạo công ăn việc làm cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

Ngoài ra, Ban giám đốc, Công đoàn công ty cũng thường xuyên thăm hỏi tìm hiểu hoàn cảnh khó khăn của từng cán bộ công nhân viên trong Công ty để đưa ra các biện pháp giúp đỡ kịp thời để mỗi người lao động có thể an tâm công tác tại Công ty. Công tác lương thưởng, Bảo hiểm xã hội, v.v... được Công ty thanh toán, đóng góp đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Công ty luôn chú trọng trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân khi tham gia vào hoạt động sản xuất, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm, tổ chức tham quan du lịch nhằm khuyến khích người lao động, nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tăng năng suất lao động.

+ Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực để thực hiện các trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng như các hoạt động từ thiện, ủng hộ gia đình gặp khó khăn, tổ chức quyên góp, ủng hộ các quỹ phòng chống dịch Covid, miễn, giảm giá nước cho một số đối tượng bị ảnh hưởng, khu cách ly Covid và ủng hộ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá các mặt hoạt động của công ty

1.1. Những mặt làm được

Đánh giá chung trong năm SXKD hiệu quả, sáng lượng tăng, năng suất lao động tăng, tiết kiệm chi phí, đạt và vượt mức lợi nhuận và cổ tức như kế hoạch đề ra; Triển khai các dự án đầu tư mở rộng với quyết tâm cao, tiến độ thi công nhanh, sớm đưa các công trình vào sử dụng, quyết toán và hạch toán

1.2. Những mặt chưa làm được

Nhiều hộ khách hàng lớn và khách hàng vùng ven, khách hàng tiếp giáp vùng phục vụ của nước sạch nông thôn khoan giếng tăng, giảm sản lượng sử dụng hoặc chưa sử dụng

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

2.1. Về công tác điều hành

Ban Tổng Giám đốc điều hành thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Hàng tháng báo cáo HĐQT tình hình SXKD thông qua giao ban, kịp thời đề xuất và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo Điều lệ Công ty đề ra và phương hướng nhiệm vụ hàng tháng, quý.

Điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2.2. Về sản xuất kinh doanh:

Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, tích cực kịp thời, đảm bảo đúng quy định.

2.3. Về chính sách đối với người lao động:

Ưu tiên chăm lo đời sống của người lao động, nhất là lực lượng lao động trực tiếp theo hướng gia tăng lợi ích.

Quyền lợi của người lao động của Công ty đều được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động được Công ty ký HĐLĐ, kê khai nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... và đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ cho người lao động kịp thời.

Chính sách đối với người lao động: Tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước.

2.4. Về chấp hành pháp luật:

Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

3. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022
1	Sản lượng nước thương phẩm	M3	11.096.000
2	Tỷ lệ thất thoát	%	11 %
3	Số hộ khách hàng	Hộ	59.405
4	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	126.950.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	16.147.888.000
6	Thu nhập bình quân	Đồng	10.000.000
7	Chia cổ tức	%	> 12.5

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên được bầu tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 12/12/2020. HĐQT đã tiến hành họp đề bầu và nghị quyết chức danh Chủ tịch HĐQT và các chức danh Ban Tổng giám đốc công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2	Lương Thế Công	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Văn Bá	Thành viên
4	Bùi Văn Đính	Thành viên
5	Nguyễn Văn Hồng	Thành viên
6	Lê Văn Tuấn	Thành viên
7	Nguyễn Anh Việt	Thành viên

Năm 2021, HĐQT đã quản lý và điều hành công ty theo đúng các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và triển khai nghị quyết của ĐH

đồng cổ đông. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo định kỳ và đột xuất, hàng tháng HĐQT tham gia chỉ đạo họp giao ban để nghe Ban Tổng giám đốc và các đơn vị SX báo cáo và kiến nghị đề xuất các vấn đề liên quan hoạt động SXKD, kịp thời ra các quyết định phù hợp.

2. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Kim Ngọc Nhiệm	Trưởng BKS
2	Bùi Hồng Nam	Thành viên
3	Lê Thị Nha Trang	Thành viên

- Ban kiểm soát gồm 3 thành viên: Trưởng ban (hoạt động chuyên trách) và 02 thành viên;

- Về phần vốn nhà nước còn lại tại doanh nghiệp, Sở Tài chính cử 01 cán bộ tham gia là thành viên Ban kiểm soát;

2.1. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Tài sản - Nguồn vốn

Tài sản - Nguồn vốn:

- Đầu năm 2021: 143.845.363.143 đồng;

- Cuối năm 2021: 141.923.220.246 đồng.

Vốn chủ sở hữu:

- Đầu năm 2021: 109.348.827.901 đồng;

- Cuối năm 2021: 109.628.686.153 đồng.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

Sản lượng:

- Sản lượng năm 2021 đạt 10.828.420 m³, bằng 102.77% so với năm trước và bằng 99.99% so với kế hoạch;

- Khắc phục những khó khăn về hạn hán, thiếu nguồn và dịch bệnh, Công ty cũng đã có nhiều cố gắng phân đấu để thực hiện kế hoạch đề ra;

Doanh thu:

- Doanh thu cấp nước: 119,6 tỷ đồng;

- Doanh thu khác: 8,7 tỷ đồng;

- Tổng doanh thu: 128,3 tỷ đồng;

Lợi nhuận sau thuế:

- Thuế Thu nhập DN: 2.009.229.990 đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 16,879 tỷ đồng, thấp hơn năm trước (năm 2019: 18.054 tỷ đồng);

- Từ nguồn lợi nhuận sau thuế, doanh nghiệp có kế hoạch trả cổ tức cho các cổ đông là 14,5%, số còn lại dành cho đầu tư phát triển.

Tỷ lệ thất thoát nước:

- Những năm qua công tác chống thất thoát đã được Công ty làm tốt nên tỷ lệ thất thoát năm 2021 giữ ở mức 11,46%;

- Việc giảm được tỷ lệ thất thoát giúp tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận; Doanh nghiệp là một trong những đơn vị ngành nước có tỷ lệ thất thoát nước thấp.

Hoạt động đầu tư:

- Năm 2021 nguồn vốn tái đầu tư được sử dụng vào các nội dung sau: Trả nợ vay các dự án 8,15 tỷ (ODA Thành phố, Mộc châu, Yên châu và Sốp Cộp); Đầu tư mua sắm tài sản mới 18,67 tỷ đồng.

- Đầu tư mua máy móc thiết bị gần 9,19 tỷ đồng. Đầu tư cho phương tiện vận tải truyền dẫn 6,4 tỷ đồng. Đầu tư cho nhà cửa vật kiến trúc 2 tỷ đồng.

- Về dự án Trụ sở văn phòng Công ty: còn đang dở dang, đã chi phí cho đền bù GPMB là 2,80 tỷ đồng;

Tài chính kế toán:

- Công tác Tài chính kế toán cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh, phản ánh đầy đủ chính xác kết quả hoạt động trong năm tài chính về doanh thu, chi phí sản xuất, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, các khoản phải thu, phải trả...

Đánh giá chung tình hình tài chính:

- Năm qua, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, lãnh đạo và điều hành doanh nghiệp đạt kết quả tốt, cơ bản hoàn thành các mục tiêu kế hoạch đề ra;

- Tình hình tài chính ổn định;

- Chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế, phí với nhà nước;

- Sắp xếp, tinh giảm lao động để tăng tiền lương, thu nhập cho công nhân viên;

- Đảm bảo hài hòa giữa việc trả cổ tức cho cổ đông và dành nguồn vốn cho đầu tư phát triển;

Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị:

- Đến cuối năm 2021, Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên;

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

- Theo Điều lệ Công ty thì Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần;

- Năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức khá nhiều cuộc họp (kể cả trực tiếp và trực tuyến) để giải quyết các công việc phát sinh;

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Kết thúc cuộc họp, ban hành các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định để triển khai thực hiện;

- Hội đồng quản trị đã lãnh đạo, điều hành các hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, giúp doanh nghiệp ổn định sản xuất và kinh doanh có hiệu quả;

- Chưa xây dựng được kế hoạch phát triển dài hạn, về đầu tư mở rộng sản xuất, thường bị chi phối bởi các mục tiêu ngắn hạn; Việc đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước ra vùng ven đô thị để mở rộng địa bàn phục vụ chưa đạt kế hoạch;

- Một số thành viên Hội đồng quản trị ở xa Công ty nên việc lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp bị hạn chế;

- Các đề xuất của Ban điều hành đã được xem xét kịp thời, tuy nhiên cũng cần sâu sát hơn thực tế sản xuất tại Công ty;

Hoạt động của Ban điều hành:

- Ban điều hành Công ty gồm có: Tổng giám đốc; hai (02) Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Ông Trần Quyết Chiến giữ chức vụ Tổng giám đốc, ông Phạm Ngọc Dũng và ông Nguyễn Văn Bá giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc, ông Bùi Thanh Tùng giữ chức vụ Kế toán trưởng;

Kết quả thực hiện của Ban điều hành trong năm 2021:

- Chấp hành và tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế nội bộ công ty;

- Làm tốt công tác chống thất thoát nước, giữ tỷ lệ ở mức 11,46%;
- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, tiết kiệm chi phí vận hành, chi phí sửa chữa, các chi phí khác, sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả;

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, trong nhiệm kỳ không có các khiếu nại của các cổ đông;
- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, đảm bảo thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ pháp luật và quyền lợi của cổ đông.

Cuộc họp của ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị.

Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm 3 thành viên: Ông Kim Ngọc Nhiệm (Trưởng ban); ông Bùi Hồng Nam (thành viên); bà Lê Thị Nha Trang (thành viên);
- Về phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Sở Tài chính cử 01 cán bộ tham gia là thành viên Ban kiểm soát;

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên triển khai kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

a. Kiểm soát Tài chính:

- Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính kế toán, kiểm tra giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực trong việc ghi chép, hạch toán, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán;
- Kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động,....;
- Kiểm soát doanh thu, chi phí, việc sử dụng vốn đầu tư của các dự án;
- Thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập;
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật; xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để bảo quyền lợi của các cổ đông;
- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính một số đơn vị cơ sở.

b. Kiểm soát hoạt động:

- Kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc;
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc;
- Đối với Hội đồng quản trị: Chủ tịch và các thành viên HĐQT là những người có trình độ học vấn, chuyên môn, am hiểu ngành nước và nhiều lĩnh vực. Đưa ra các quyết định đúng, kịp thời, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Đối với Ban điều hành: Ban Điều hành gồm 04 thành viên, trong đó có 01 thành viên thuộc Hội đồng quản trị; Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành là những người có trình độ, am hiểu ngành nước và các lĩnh vực khác, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị; Tham mưu với Hội đồng quản trị về việc rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế, thúc đẩy sản xuất; Thực hiện tốt công tác điều hành, sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả.
- Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp vào những nội dung về SXKD, đầu tư, sửa chữa và một số công việc khác của Công ty;

- Đề xuất với Hội đồng quản trị về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm đạt kết quả;
- Ban kiểm soát họp hàng quý theo quy chế;
- Các thành viên hoạt động kiêm nhiệm và phân tán, do đó việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát có phần hạn chế;
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty, giúp cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao;
- Trong năm, Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

c. Kiểm soát tuân thủ:

- Theo từng lĩnh vực, Công ty đã ban hành các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế tại doanh nghiệp;
- Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể người lao động trong Công ty thực hiện tốt các quy chế nội bộ đã ban hành;
- Cơ chế quản lý nội bộ của Công ty khá hoàn chỉnh, giúp công tác quản lý sản xuất có nề nếp, minh bạch và hiệu quả;
- Đánh giá về hệ thống quy chế doanh nghiệp:
Đa số quy chế vẫn còn phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế và vẫn tiếp tục áp dụng, tuy nhiên một số quy chế cần phải sửa đổi bổ sung;
- Đề xuất: Kiến nghị Hội đồng quản trị tiếp tục rà soát lại các quy chế, quy định hiện hành của doanh nghiệp để sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát:

Kiểm soát Tài chính:

- Đề xuất với Hội đồng quản trị việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm;
- Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập, kiểm soát báo cáo tài chính hàng năm trình HĐQT và Đại hội đồng cổ đông;
- Hàng năm tổ chức kiểm tra các đơn vị trực thuộc về: Tình hình SXKD; Tài chính; Việc thực hiện các quy chế nội bộ....;

Kiểm soát hoạt động:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành;
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

Kiểm soát tuân thủ:

- Giám sát việc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nội;
- Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ;

Kiến nghị của Ban kiểm soát:

Nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022, Ban kiểm soát nêu một số kiến nghị sau:

- Xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về sản xuất kinh doanh, về đầu tư... và các giải pháp thực hiện;
- Nâng cao công tác quản trị và điều hành để phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ từ văn phòng tới các đơn vị trực thuộc. Phần đầu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và các cổ đông;
- Các dự án đầu tư: Phân tích hiệu quả đầu tư, thu hồi vốn; Tập trung nguồn lực để triển khai dự án có hiệu quả;

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện các quy chế nội bộ, quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động;

- Tiếp tục thực hiện tốt chương trình chống thất thoát, duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước;

- Theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp, BKS đề nghị ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 bầu bổ sung một thành viên BKS do ông Kim Ngọc Nhiệm, Trưởng Ban Kiểm soát đã nghỉ hưu, có đơn xin miễn nhiệm chức danh Trưởng ban kiểm soát.

Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát.

Thù lao của Ban kiểm soát:

Thực hiện năm 2021:

- Đại hội đồng cổ đông phê duyệt: 252.000.000 đồng;

- Tổng thù lao thực chi: 207.000.000 đồng;

Kế hoạch năm 2022: 252.000.000 đồng.

Chi phí khác:

Không phát sinh.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát đến ngày 31/12/2021

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao
1	Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT	180.000.000
2	Bùi Văn Đình	Phó chủ tịch HĐQT	165.600.000
3	Lương Thế Công	Thành viên HĐQT	165.600.000
4	Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT	165.600.000
5	Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT	120.000.000
6	Nguyễn Anh Việt	Thành viên HĐQT	120.000.000
7	Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	120.000.000
8	Nguyễn Tiến Hán	Thư ký HĐQT	60.000.000
9	Bùi Hồng Nam	Th/viên Ban kiểm soát	72.000.000
10	Lê Thị Nha Trang	Th/viên Ban kiểm soát	72.000.000
11	Kim Ngọc Nhiệm	Trưởng Ban kiểm soát	63.000.000
	Cộng		1.303.800.000

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lương Phương Thảo	Con ruột TVHDQT Lương Thế Công	38685	0,38	54285	0,54	Mua cổ phiếu
2	Lương Tử Vinh	Em ruột TVHDQT Lương Thế Công	2322	0,02	22	0,0002	Bán cổ phiếu

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Stt	Tên tổ chức	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Người có liên quan	Vị trí của người có liên quan tại Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Thời điểm giao dịch	Ghi chú
1	CTCP VBIC Sơn La	5500522701 23/07/2015 Sở Kế hoạch & ĐT tỉnh Sơn La	Ông Nguyễn Văn Hồng, Chủ tịch HĐQT; ông Lương Thế Công, Giám đốc	Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT	Số 55 Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Từ năm 2018	Công ty VBIC Sơn La bán nước qua đồng hồ tổng cho NSL
2	Công ty cổ phần MILLS Việt Nam	0106432793 13/01/2014 Sở Kế hoạch & Đầu tư Hà Nội	Ông Nguyễn Văn Hồng, Giám đốc	Chủ tịch HĐQT	Số 20, Ngõ 4 Phố Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội	Từ năm 2017	Công ty cổ phần MILLS Việt Nam bán keo tụ PAC xử lý nước cho NSL
3	Công ty		Ông	Thành		Từ	Mua

	CP HAWACO		Nguyễn Trọng Hiếu	viên HDQT		năm 2005	đồng hồ nước
4	Công ty CP cơ điện HAWACO		Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HDQT			Mua máy móc thiết bị SX nước sạch

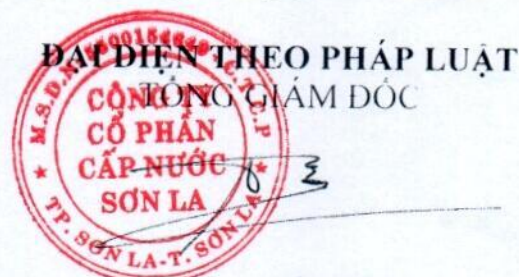
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán viên

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, phê duyệt ngày 17/02/2022 được đăng tải trên trang web của công ty và được công bố thông tin ngày 23/02/2022.



Trần Quyết Chiến